

Bản án số: 15/2024/HN&GD - ST

Ngày: 28/6/2024

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Tạ Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh;

Ông Nguyễn Hồng Hải.

Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thị Thương Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tham gia phiên toà:
Ông Đào Việt Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 106/2024/HN&GD-ST ngày 28/5/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXX-ST, ngày 14/6/2024; giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị V, sinh năm 1985;

Địa chỉ: TDP Đ, phường T, T.P P, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Khúc Văn H, sinh năm 1983;

Địa chỉ: TDP Đ, phường T, T.P P, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị V, anh H có mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn chị Bùi Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn tự nguyện với anh Khúc Văn H, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P (nay là phường T, thành phố P), tỉnh Thái Nguyên vào năm 2003. Sau khi kết hôn, chị V về nhà anh H làm dâu, sống cùng gia đình chồng được 02 năm thì ra ở riêng. Do kinh tế khó khăn, từ năm 2009, vợ chồng anh chị đã cùng nhau vào Đ làm ăn, thỉnh thoảng mới về nhà. Tuy nhiên trong thời gian này anh H không chịu khó làm ăn mà ham chơi, không quan tâm đến vợ con và gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi vã, thậm chí đánh nhau. Thời gian gần đây anh chị đã về địa phương sinh sống nhưng lại xảy ra nhiều mâu thuẫn hơn nữa, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ (cùng ở phường T), vợ chồng không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định không

còn tình cảm với anh H, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã kéo dài nhiều năm không thể giải quyết được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh H có 03 con chung là: Khúc Thị H1, sinh ngày 13/7/2006; Khúc Minh K, sinh ngày 19/5/2008; Khúc Mạnh C, sinh ngày 13/4/2016. Khi nộp đơn ly hôn, chị trình bày tại bản tự khai đề nghị được nuôi cháu H1 và cháu C cho đến khi trưởng thành; anh H sẽ nuôi cháu K cho đến khi trưởng thành và chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, chị xác định các con có nguyện vọng ở cùng bố, chị ly hôn chưa ổn định được nơi ở nên đồng ý để anh H được nuôi dưỡng cả ba con chung. Anh H không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con, chị nhất trí và sẽ tự nguyện cấp dưỡng cho con theo khả năng của bản thân.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản cho vay chung: Không có.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Khúc Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận về việc đăng ký kết hôn và thời gian đăng ký kết hôn như chị V trình bày là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng có một thời gian vào Đ và gần đây đã quay trở lại địa phương sinh sống và làm việc như chị V trình bày là đúng. Anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn với nhau do có sự hiểu lầm về nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống, cãi vã. Đến khoảng tháng 3/2024, vợ chồng cãi nhau, mâu thuẫn trầm trọng, chị V đã về nhà ngoại sinh sống. Nay chị V đề nghị ly hôn, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị V, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị V có 03 con chung là Khúc Thị H1, sinh ngày 13/7/2006; Khúc Minh K, sinh ngày 19/5/2008; Khúc Mạnh C, sinh ngày 13/4/2016 như chị V trình bày là đúng. Trường hợp chị V cương quyết ly hôn, anh mong muốn được nuôi cả 3 cháu cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản cho vay chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành một số biện pháp thu thập tài liệu chứng cứ:

Toà án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị Bùi Thị V và anh Khúc Văn H tại tổ dân phố Đ, phường T, xác định: Chị V và anh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại TDP Đ, phường T. Sau khi kết hôn, chị V về chung sống với gia đình nhà chồng, sau đó vài năm thì ra ở riêng. Vợ chồng anh chị có thời gian vào Đ làm ăn, sinh sống và sau đó trở về địa phương. Việc chị V, anh H có mâu thuẫn vợ chồng với nhau thì địa phương không nắm bắt được do anh chị không báo cáo với địa phương.

Theo Biên bản xác minh tại gia đình chị V, anh H thể hiện: Quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, được khoảng 02 năm thì anh chị vào Đ làm ăn, thỉnh thoảng mới trở về nhà. Từ sau khi vợ chồng vào Đ làm ăn

và về hẳn vào khoảng trước Tết âm lịch 2023 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Theo gia đình được biết là anh H cho rằng chị V có mối quan hệ với người đàn ông khác. Hai bên gia đình đã tham gia động viên chị V không đi làm ăn xa nữa mà ở nhà chăm sóc con cái, làm ăn tại nhà và lo công việc gia đình nhưng chị V cương quyết không nghe, đến khoảng tháng 3/2024, chị V đã bỏ đi, từ đó đến nay không quay trở về nữa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị V giữ nguyên quan điểm như yêu cầu khởi kiện, chị xin được ly hôn với anh H, đồng ý giao cả ba con chung cho anh H trực tiếp chăm sóc theo nguyện vọng của các con và không phải cấp dưỡng nuôi con; Bị đơn anh H không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án cho thêm thời gian để vợ chồng hoà giải và về đoàn tụ nhưng nguyên đơn xác định vợ chồng mâu thuẫn một thời gian dài chứ không phải chỉ qua một sự việc hiểu lầm mà chị làm đơn ly hôn do vậy chị không mong muốn hoà giải, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H để ổn định cuộc sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân thành phố P phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016, ra bản án với các nội dung sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị V được ly hôn với anh H.
- *Về con chung:* Giao cả 3 con chung là Khúc Thị H1, sinh ngày 13/7/2006; Khúc Minh K, sinh ngày 19/5/2008; Khúc Mạnh C, sinh ngày 13/4/2016 cho anh Khúc Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị V cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết.
- *Về khoản cho vay chung:* Không có.
- *Về án phí và quyền kháng cáo:* Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Khúc Văn H có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác

định thẩm quyền giải quyết, xét xử thuộc về Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

[1.2]. Về thủ tục hòa giải: Trong vụ này, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải, thuộc trường hợp những vụ án dân sự không tiến hành hoà giải được. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không mở phiên họp hòa giải là đúng quy định tại khoản 4 Điều 207 và khoản 2 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị V và anh Khúc Văn H trình bày anh chị kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P (nay là phường T, thành phố P), tỉnh Thái Nguyên vào năm 2003 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị V và anh H chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm đầu, sau đó vợ chồng vào Đ làm ăn và phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị V là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh H thường xuyên ham chơi, không chịu khó làm ăn, kinh tế gia đình chủ yếu do chị gánh vác; Anh H thừa nhận vợ chồng đã mâu thuẫn một thời gian, nguyên nhân là do chị V có mối quan hệ với người đàn ông khác tuy nhiên sau này tìm hiểu anh biết đã hiểu lầm chị V. Chị V và anh H đều xác định vợ chồng ly thân từ khoảng tháng 3/2024 cho đến nay.

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và kết quả thu thập chứng cứ cho thấy: Việc chị V và anh H có mâu thuẫn một thời gian dài và hiện không còn chung sống với nhau là thực tế. Anh H không đồng ý ly hôn nhưng không có phương án để cải thiện tình trạng hôn nhân, duy trì hạnh phúc gia đình. Chị V không còn tin tưởng vào anh H, chị xác định nếu vợ chồng đoàn tụ cũng không có hạnh phúc nên cương quyết ly hôn. Do vậy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V theo quy định tại 56 Luật Hôn nhân & gia đình.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống chị V và anh H có 03 con chung là Khúc Thị H1, sinh ngày 13/7/2006; Khúc Minh K, sinh ngày 19/5/2008; Khúc Mạnh C, sinh ngày 13/4/2016.

Quá trình giải quyết vụ án chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 và cháu C; Anh H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung; Xem xét nguyện vọng của các con chung thấy các con đều có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng bố. Tại phiên toà chị V đồng ý để anh H được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung cho đến khi trưởng thành theo nguyện vọng của anh H và các con. Do vậy, cần ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận giữa chị V, anh H về việc giao cả 3 con chung là Khúc Thị H1, sinh ngày 13/7/2006; Khúc Minh K, sinh ngày 19/5/2008; Khúc Mạnh C, sinh ngày 13/4/2016 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Qua kết quả thu thập chứng cứ xác định, trong thời gian chị V đi làm xa nhà, xa các con và cả khi vợ chồng ly thân, chị V vẫn gửi tiền học và cho các con chi phí sinh hoạt thêm. Khi ly hôn, anh H không yêu cầu chị V

cấp dưỡng nuôi con nên cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị V cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị V và anh H không yêu cầu giải quyết.

[2.4]. Về khoản cho vay chung: Không có.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn, chị V phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị V.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị V được ly hôn với anh Khúc Văn H.

2. *Về con chung:* Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận giữa chị Bùi Thị V và anh Khúc Văn H, giao cả 03 con chung là Khúc Thị H1, sinh ngày 13/7/2006; Khúc Minh K, sinh ngày 19/5/2008; Khúc Mạnh C, sinh ngày 13/4/2016 cho anh Khúc Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị V cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật do anh H tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết.

4. *Về khoản cho vay chung:* Không có.

5. *Về án phí:* Chị Bùi Thị V phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001655 ngày 28/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

6. *Về quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Phủ Yên;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Yên;
- UBND phường Tiên Phong (ĐKKH số 103, ngày 25/11/2003);
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Dung

